

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-25
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	26-35
Bảng cân đối kế toán	36-37
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	38
Bảng các chỉ tiêu khác	39
Thuyết minh báo cáo tài chính	40-55

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khí cụ điện I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên
Ông Hoàng Đình Phẩm	Thành viên
Ông Lê Xuân Thành	Thành viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đăng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Cúc	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thanh	Thành viên
Bà Bùi Thị My	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phùng Đệ

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Số: 480 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Khí cụ điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được lập ngày 03 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính .

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khí cụ điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

**Dương Quân Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.342.451.221</b>	<b>45.104.699.732</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>22.703.939.316</b>	<b>43.004.699.732</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.797.680.701	18.865.907.276
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		247.714.233	193.566.550
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	517.102.593	868.015.328
314	4. Phải trả người lao động		2.129.785.529	3.543.767.940
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	316.353.467	14.359.410.191
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.695.302.793	5.174.032.447
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.638.511.905</b>	<b>2.100.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.150.000.000	2.100.000.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		488.511.905	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>100.542.136.612</b>	<b>79.745.444.958</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>100.542.136.612</b>	<b>79.745.444.958</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.600.000.000	34.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.600.000.000	34.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.944.000.000	12.700.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		23.287.404.209	21.087.404.209
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.710.732.403	11.958.040.749
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.707.960.749	2.633.446.265
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.002.771.654	9.324.594.484
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>125.884.587.833</b>	<b>124.850.144.690</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Phan Thị Thư  
 Người lập

Phan Thị Thúy  
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	300.018.694.206	285.286.602.189
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		300.018.694.206	285.286.602.189
11	4. Giá vốn hàng bán	19	271.771.166.538	259.651.412.216
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.247.527.668	25.635.189.973
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.744.995.865	2.522.595.165
22	7. Chi phí tài chính	21	165.057.000	419.894.692
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		165.057.000	419.894.692
25	8. Chi phí bán hàng	22	6.650.911.696	5.686.072.666
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.781.623.276	4.722.150.692
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.394.931.561	17.329.667.088
31	11. Thu nhập khác	24	137.361.545	-
32	12. Chi phí khác		-	820.756.730
40	13. Lợi nhuận khác		137.361.545	(820.756.730)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.532.293.106	16.508.910.358
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	3.529.521.452	3.854.395.874
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.002.771.654</u>	<u>12.654.514.484</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	3.116	3.722

*[Signature]*

*[Signature]*



Phan Thị Thư  
 Người lập

Phan Thị Thúy  
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Năm 2016  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		249.268.868.838	240.974.500.090
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(175.398.980.694)	(167.732.097.634)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.067.434.666)	(37.822.804.379)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(165.057.000)	(419.894.692)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.863.431.457)	(4.421.948.481)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.359.035.129	1.105.484.255
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.017.456.132)	(10.004.821.211)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.115.544.018</b>	<b>21.678.417.948</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.565.598.712)	(3.936.188.535)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.090.909	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.521.970.969)	(31.132.888.889)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.031.151.700	149.321.776
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.744.995.865	2.522.595.165
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.277.331.207)</b>	<b>(32.397.160.483)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	13.920.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(5.735.350.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.470.080.000)	(6.800.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(3.470.080.000)</b>	<b>1.384.650.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.631.867.189)</b>	<b>(9.334.092.535)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>27.874.231.917</b>	<b>37.208.324.452</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>22.242.364.728</b>	<b>27.874.231.917</b>

*Phan Thị Thu*

*Phan Thị Thúy*



Phan Thị Thu  
 Người lập

Phan Thị Thúy  
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khí cụ điện I là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 45.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 45.600.000.000 đồng; tương đương 4.560.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh

Chi nhánh Buôn Ma Thuột

Chi nhánh Đà Nẵng

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là kinh doanh, phân phối các sản phẩm thiết bị điện của Công ty.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm được xác định theo đơn giá thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Trong đó số lượng sản phẩm chưa hoàn thành được xác định theo kết quả kiểm kê thực tế.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất không trích khấu hao		

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

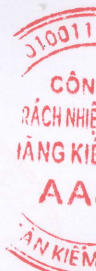
**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## **2.12 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.13 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.14 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.16 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	63.106.009	109.806.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.956.803.164	16.969.390.586
Các khoản tương đương tiền (*)	15.222.455.555	10.795.034.874
	<u>22.242.364.728</u>	<u>27.874.231.917</u>

(\*) Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 15.222.455.555 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại 31/12/2016, các khoản đầu tư ngắn hạn là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 31.554.859.858 VND và tại ngày 01/01/2016 có giá trị 31.132.888.889 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất từ 5,3 %/năm đến 6 %/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	100.000.000	-	100.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	-	100.000.000	-
	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

a) Toàn bộ các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 là phải thu ngắn hạn từ hoạt động kinh doanh hàng hóa của Công ty, bao gồm các khoản công nợ nhỏ, lẻ, không có các khoản công nợ khách hàng có số dư lớn chiếm tỷ trọng trên 10%.

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>7.700.000</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.		

**6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần thiết bị điện Á Âu	2.839.418.494	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	124.769.250	-	1.005.360.080	-
	<u>2.964.187.744</u>	<u>-</u>	<u>1.005.360.080</u>	<u>-</u>



## 7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	377.251.000	308.402.700
	<b>377.251.000</b>	<b>308.402.700</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

Hợp đồng cho các cá nhân, tổ chức vay ngắn hạn với lãi suất bằng lãi suất từ 8% / năm, thời hạn của hợp đồng theo từng lần gia hạn cụ thể.

## 8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	53.000.000	-	77.000.000	-
Phải thu khác	22.000.000	-	21.240.450	-
	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>	<b>98.240.450</b>	<b>-</b>

## 9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	268.032.646	-	268.032.646	-
	<b>268.032.646</b>	<b>-</b>	<b>268.032.646</b>	<b>-</b>

## 10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.846.875.090	-	8.049.790.856	-
Công cụ, dụng cụ	243.324.051	-	385.623.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.680.150.320	-	2.350.234.890	-
Thành phẩm	10.158.478.719	-	16.760.781.988	-
Hàng gửi đi bán	4.026.420.904	-	5.818.743.794	-
	<b>27.955.249.084</b>	<b>-</b>	<b>33.365.175.116</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I**

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	21.012.947.038	48.889.536.039	6.977.393.735	910.226.437	77.790.103.249
- Mua trong năm	3.268.189.090	6.297.409.622	-	-	9.565.598.712
- Thanh lý, nhượng bán	-	(116.000.000)	-	-	(116.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.281.136.128</b>	<b>55.070.945.661</b>	<b>6.977.393.735</b>	<b>910.226.437</b>	<b>87.239.701.961</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.600.692.362	36.391.822.054	5.151.995.064	715.741.437	56.860.250.917
- Khấu hao trong năm	931.929.805	3.211.313.660	629.072.962	64.828.332	4.837.144.759
- Thanh lý, nhượng bán	-	(116.000.000)	-	-	(116.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.532.622.167</b>	<b>39.487.135.714</b>	<b>5.781.068.026</b>	<b>780.569.769</b>	<b>61.581.395.676</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.412.254.676	12.497.713.985	1.825.398.671	194.485.000	20.929.852.332
Tại ngày cuối năm	<b>8.748.513.961</b>	<b>15.583.809.947</b>	<b>1.196.325.709</b>	<b>129.656.668</b>	<b>25.658.306.285</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.369.028.591 VND

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ 4 Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh được sử dụng làm chi nhánh của Công ty.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	631.289.686	986.300.477
	<u><b>631.289.686</b></u>	<u><b>986.300.477</b></u>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

- a) Toàn bộ các khoản phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2016 là phải trả các nhà cung cấp vật tư, hàng hóa theo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm các khoản công nợ nhỏ, lẻ, không có các khoản công nợ có số dư lớn chiếm tỷ trọng trên 10%.

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>
	VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	762.951.640	762.951.640	326.845.200	326.845.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I**

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	7.778.960.975	7.704.405.155	-	-	74.555.820	-	-	74.555.820
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	776.456.778	3.529.521.452	3.863.431.457	-	-	442.546.773	-	-	442.546.773
Thuế Thu nhập cá nhân	-	91.558.550	123.078.382	214.636.932	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	697.253.800	697.253.800	-	-	-	-	-	-
	-	<b>868.015.328</b>	<b>12.128.814.609</b>	<b>12.479.727.344</b>	-	-	<b>517.102.593</b>	-	-	<b>517.102.593</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	132.697.456	303.610.236
- Bảo hiểm xã hội	73.406.873	25.550.817
- Bảo hiểm y tế	58.696.010	58.696.010
- Bảo hiểm thất nghiệp	51.553.128	51.553.128
- Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu	-	13.920.000.000
	<b>316.353.467</b>	<b>14.359.410.191</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.150.000.000	2.100.000.000
	<b>2.150.000.000</b>	<b>2.100.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I**

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>19.087.404.209</b>	<b>11.116.526.265</b>	<b>76.903.930.474</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.654.514.484	12.654.514.484
Phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	2.000.000.000	(8.483.080.000)	(6.483.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	(3.329.920.000)	(3.329.920.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>21.087.404.209</b>	<b>11.958.040.749</b>	<b>79.745.444.958</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>34.000.000.000</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>21.087.404.209</b>	<b>11.958.040.749</b>	<b>79.745.444.958</b>
Tăng vốn trong năm nay	11.600.000.000	2.244.000.000	-	-	13.844.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.002.771.654	14.002.771.654
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.200.000.000	(9.250.080.000)	(7.050.080.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>45.600.000.000</b>	<b>14.944.000.000</b>	<b>23.287.404.209</b>	<b>16.710.732.403</b>	<b>100.542.136.612</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 156/NQ - ĐHCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2014	2.633.446.265
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	12.654.514.484
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.200.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	380.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20 % vốn điều lệ)	6.800.000.000
<i>Trong đó số đã ứng trong năm 2015 là 3.329.920.000 đồng</i>	
Lợi nhuận chưa phân phối	2.707.960.749

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	49,24%	22.453.450.000	51,03%	17.350.400.000
Các cổ đông khác	50,76%	23.146.550.000	48,97%	16.649.600.000
	<b>100%</b>	<b>45.600.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>34.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.600.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	34.000.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	11.600.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	45.600.000.000	34.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.470.080.000	6.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.470.080.000	3.470.080.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	3.329.920.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.560.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.560.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.560.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.560.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.560.000	3.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.287.404.209	21.087.404.209
	<b>23.287.404.209</b>	<b>21.087.404.209</b>

## 18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	288.710.624.277	270.662.350.568
Doanh thu bán hàng hóa	11.308.069.929	14.624.251.621
	<u>300.018.694.206</u>	<u>285.286.602.189</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	<u>456.762.757</u>	<u>441.801.315</u>

## 19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	260.664.778.369	245.534.682.275
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.106.388.169	14.116.729.941
	<u>271.771.166.538</u>	<u>259.651.412.216</u>

## 20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.729.995.865	2.512.595.165
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.000.000	10.000.000
	<u>2.744.995.865</u>	<u>2.522.595.165</u>

## 21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	165.057.000	419.894.692
	<u>165.057.000</u>	<u>419.894.692</u>

## 22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.167.541.667	624.677.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.713.098	589.450.265
Chi phí khác bằng tiền	3.918.656.931	4.471.944.480
	<u>6.650.911.696</u>	<u>5.686.072.666</u>



**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.015.511.832	703.703.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	414.284.410	383.423.090
Thuế, phí, lệ phí	697.253.800	455.760.800
Chi phí khác bằng tiền	2.654.573.234	3.179.263.484
	<b>6.781.623.276</b>	<b>4.722.150.692</b>

**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán vật tư, thanh lý tài sản cố định	137.361.545	-
	<b>137.361.545</b>	<b>-</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.532.293.106	16.508.910.358
Các khoản điều chỉnh tăng	130.314.156	1.021.070.886
- <i>Khấu hao xe ô tô</i>	130.314.156	130.314.156
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	890.756.730
Các khoản điều chỉnh giảm	(15.000.000)	(10.000.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(15.000.000)	(10.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.647.607.262	17.519.981.244
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.529.521.452</b>	<b>3.854.395.874</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	680.794.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	776.456.778	663.214.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.863.431.457)	(4.421.948.481)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>442.546.773</b>	<b>776.456.778</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	14.002.771.654	12.654.514.484
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.002.771.654	12.654.514.484
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.493.260	3.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.116</b>	<b>3.722</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.408.751.780	189.791.265.117
Chi phí nhân công	43.642.412.615	40.706.929.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.835.656.664	5.511.684.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.933.459.551	3.363.726.216
Chi phí khác bằng tiền	7.695.354.975	11.226.226.910
	<b>264.515.635.585</b>	<b>250.599.831.478</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.242.364.728	-	27.874.231.917	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.331.512.094	(268.032.646)	4.817.456.099	(268.032.646)
Các khoản cho vay	31.932.110.858	-	31.441.291.589	-
Đầu tư dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
	<b>64.605.987.680</b>	<b>(268.032.646)</b>	<b>64.232.979.605</b>	<b>(268.032.646)</b>
			<b>Giá trị sổ kế toán</b>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>		
	VND	VND		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.264.034.168	35.325.317.467		
	<b>19.264.034.168</b>	<b>35.325.317.467</b>		

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.242.364.728	-	-	22.242.364.728
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.063.479.448	-	-	10.063.479.448
Các khoản cho vay	31.932.110.858	-	-	31.932.110.858
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000	-	100.000.000
	<b>64.237.955.034</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>64.337.955.034</b>

**Tại ngày 01/01/2016**

Tiền và các khoản trương đương tiền	27.874.231.917	-	-	27.874.231.917
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.549.423.453	-	-	4.549.423.453
Các khoản cho vay	31.441.291.589	-	-	31.441.291.589
Đầu tư dài hạn	-	100.000.000	-	100.000.000
	<b>63.864.946.959</b>	<b>100.000.000</b>	-	<b>63.964.946.959</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	17.114.034.168	2.150.000.000	-	19.264.034.168
	<b>17.114.034.168</b>	<b>2.150.000.000</b>	-	<b>19.264.034.168</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	33.225.317.467	2.100.000.000	-	35.325.317.467
	<b>33.225.317.467</b>	<b>2.100.000.000</b>	-	<b>35.325.317.467</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là hoạt động sản xuất thiết bị điện. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

105-  
CÔNG TY  
KHUỖ H  
M T O A  
3C  
TP. H

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>456.762.757</b>	<b>441.801.315</b>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	4.999.200
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	(*)	49.908.400	402.074.840
Công ty CP Sản xuất thương Mại EMIC	(*)	387.615.000	34.727.275
Công ty CP đầu tư xây dựng GELEX	(*)	19.239.357	-
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>2.817.949.400</b>	<b>2.396.464.420</b>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	2.045.319.000	2.369.314.500
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	(*)	-	27.149.920
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	(*)	772.630.400	-
<b>Lãi cho vay vốn</b>		<b>-</b>	<b>253.683.692</b>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	253.683.692

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>7.700.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Sản xuất thương Mại EMIC	(*)	7.700.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>762.951.640</b>	<b>326.845.200</b>
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	-	326.845.200
Công ty TNHH MTV Thiết bị Đo điện	(*)	762.951.640	-

(\*) Đơn vị thành viên của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.115.571.172	870.239.206

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*[Signature]*

*[Signature]*



Phan Thị Thu  
Người lập

Phan Thị Thúy  
Kế toán trưởng

Phùng Đệ  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2017